**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---- aÔÔÔb -----

**HỢP ĐỒNG HỢP TÁC ĐẦU TƯ**

*(Số…........../2024/HĐHT-………..t)*

* *Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 24 tháng 11 năm 2015;*
* *Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
* *Căn cứ Luật đầu tư số 61/2020/QH14 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 17 tháng 06 năm 2020;*
* *Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 14 tháng 06 năm 2005;*
* *Căn cứ nhu cầu thực tế và thỏa thuận của các bên.*

Hôm nay, vào lúc…... giờ, ngày….... tháng….... năm 20......, tại địa chỉ trụ sở chính của Công ty ………….. Chúng tôi gồm có:

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN A** | **: CÔNG TY CỔ PHẦN ………** |
| Địa chỉ trụ sở chính | : ………. |
| Mã số doanh nghiệp | : ……….. |
| Người đại diện theo pháp luật | : Ông ………. - Chức vụ: Tổng giám đốc |
| Điện thoại | : ………. |
| Số tài khoản | : **…………** |

***(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)***

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN A** | **: ………..** |
| Địa chỉ trụ sở chính | : ……….. |
| Mã số doanh nghiệp | : ………… |
| Người đại diện theo pháp luật | : ……….. |
| Điện thoại | : ……… |
| Số tài khoản | : |

***(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)***

**XÉT RẰNG:**

* *“………” (Bên A) là doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ hàng hóa.*
* *Bên Đầu Tư (Bên B) là chủ thể hợp pháp có đủ điều kiện về năng lực hành vi dân sự, tài chính... để kí kết hợp đồng này theo quy định của Pháp luật;*
* *Các Bên mong muốn hợp tác đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh của ……….và hưởng các quyền lợi được quy định tại Hợp đồng này.*

Sau khi thống nhất, bàn bạc trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, Hai Bên đã đọc, hiểu rõ và đồng ý ký kết Hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản như sau:

**ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI**

Hai bên thống nhất các định nghĩa và giải thích được áp dụng trong Hợp đồng được hiểu như sau:

* 1. “**Hợp đồng**” là bản hợp đồng này và các văn bản liên quan quy định các điều khoản ràng buộc quyền lợi và nghĩa vụ của hai bên, được thể hiện bằng văn bản và ký kết bởi người đại diện có thẩm quyền của các bên.
  2. **“Cổ phần”** là tỷ lệ cổ phần của Công ty cổ phần Ocopmart.
  3. **“Vốn Đầu Tư”** là giá trị vốn đầu tư theo Hợp đồng này, do Bên Đầu Tưđồng ý góp vốn đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của Ocopmart để hưởng lợi và nhận tỷ cổ phần tương ứng theo thoả thuận.
  4. “**VNĐ**” có nghĩa là Đồng Việt Nam, đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.
  5. **“Ngày làm việc**” là bất kỳ ngày nào từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần, ngoại trừ ngày lễ và thời gian nghỉ Tết.
  6. “**Ngày lễ”** được định nghĩa theo quy định của pháp luật về lao động Việt Nam tùy từng thời điểm.
  7. **“Thời gian nghỉ Tết”** để tránh nhầm lẫn. Các Bên thoả thuận và thống nhất rằng. Thời gian Nghỉ Tết theo Hợp đồng này là 30 (ba mươi) ngày làm việc được tính từ ngày 15/12 Âm Lịch hàng năm.

**ĐIỀU 2. NỘI DUNG HỢP TÁC KINH DOANH**

* 1. **Nội Dung và Mục đích hợp tác đầu tư**:

Bên B đồng ý góp Vốn Đầu Tư và bên A đồng ý nhận số tiền Vốn Đầu Tư như định nghĩa tại Điều 1.3 Hợp đồng này để các bên hợp tác đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của bên A.

Bên B đồng thời được hưởng các quyền lợi đối với Nhà Đầu Tư của Bên A theo cơ chế phân chia lợi nhuận được các bên thống nhất và tỷ lệ cổ phần tương ứng.

* 1. **Phạm Vi Hợp Tác:** Bên B đồng ý rằng toàn bộ Vốn Đầu Tư sẽ được bên A toàn quyền sử dụng, điều phối cho nội dung và mục đích hợp tác tại Điều 2.1 Hợp đồng này. Hoạt động kinh doanh của bên A trong hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các Dự án mà bên A đang hoặc sẽ là đơn vị triển khai phát triển hoặc liên doanh, liên kết đầu tư với đối tác khác hoặc các Dự án khác trong các lĩnh vực thuộc về chuyên môn của Bên A được bên A đánh giá là có tiềm năng.

**ĐIỀU 3. VỐN ĐẦU TƯ VÀ CÁC NGUYÊN TẮC TÀI CHÍNH**

1. Giá trị Vốn Đầu Tư theo Hợp đồng này là: **1.800.000.000 VNĐ**

*(Bằng chữ: Một tỷ tám trăm triệu VNĐ đồng)*

1. Bên B được nhận cổ phần từ bên A với tỷ lệ **20%** Cổ phần và được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần được nhận.
2. Các bên ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần kèm theo đúng theo quy định Pháp luật để đảm bảo các quyền lợi tương ứng. Khoản chênh lệch giá (nếu có) được các bên thống nhất quy định theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại thời điểm ghi nhận bên B là cổ đông của Công ty.
3. Tiến độ góp vốn được các bên thống nhất theo Phụ lục kèm theo Hợp đồng này.
4. Hình thức góp vốn: Tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản do bên A cung cấp.

**ĐIỀU 4. THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

1. Hợp Đồng này có thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ Vốn Đầu Tư của Bên B như quy định tại Điều 3.1 của Hợp đồng (“Thời Hạn Hợp Đồng”).
2. Bên B góp vốn theo giai đoạn bảng dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| **Vốn góp từng đợt** | **Số tiền góp** |
| Đợt 1:Từ…/…/…..-…./…./…. |  |
| Đợt 2:Từ…/…/…..-…./…./…. |  |
| Đợt 3:Từ…/…/…..-…./…./…. |  |
| Đợt 4:Từ…/…/…..-…./…./…. | S |
| Đợt 5:Từ…/…/…..-…./…./…. |  |

Trong trường hợp bên B không góp vốn theo đúng tiến độ, bảng tính sẽ được thay đổi để phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

1. Trước 30 ngày hết Thời Hạn Hợp Đồng, các Bên có thể thông báo với bên còn lại về việc gia hạn Hợp đồng hoặc chấm dứt Hợp tác bằng việc đàm phán và ký kết một Hợp đồng mới hoặc thoả thuận giữa Các Bên.

**ĐIỀU 5. NGUYÊN TẮC ĐIỀU HÀNH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**

1. Hợp đồng này là sự thoả thuận của các Bên dựa trên tinh thần tự nguyện, khi hợp tác kinh doanh dựa trên cơ sở các Bên đã đọc và hiểu rõ hợp đồng. Các bên thống nhất rằng trong suốt Thời Hạn Hợp Đồng, Bên B đồng ý rằng Bên A được toàn quyền quyết định đối với khoản Vốn Đầu Tư. Bên A chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng trong hoạt động kinh doanh, đầu tư đúng theo thoả thuận tại Điều 2.
2. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh gặp khó khăn, cản trở do biến động tiêu cực từ thị trường Bất động sản, thị trường tài chính, do tác động tiêu cực từ các thông tin truyền thông hoặc do các sự kiện bất khả kháng, các Bên sẽ nỗ lực để khắc phục khó khăn bằng các phương án bàn bạc, thống nhất tìm giải pháp, các Bên đồng thời cân đối, điều chỉnh thời gian phân chia lợi nhuận và hoàn vốn theo nguyên tắc tại Điều 3.
3. Bên A đảm bảo an toàn về số tiền hợp tác của bên B, Bên B sẽ nhận tiền thưởng, tiền phân chia lợi nhuận từ các dự án của bên A với điều kiện bên B cam kết cùng bên A xây dựng, phát triển thị trường, xây dựng hệ thống khách hàng.
4. Thời điểm chia lợi nhuận vào ngày cuối cùng của năm tài chính. Năm tài chính được tính bắt đầu kể từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**ĐIỀU 6. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG**

1. “Bất Khả Kháng” được hiểu là mọi sự kiện, hoạt động xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên dù đã áp dụng các biện pháp phòng tránh trong khả năng của mình, gây cản trở việc thực hiện nghĩa vụ của Bên gặp phải sự kiện đó hoặc khiến cho mục đích thực hiện hợp đồng không đạt được, bao gồm nhưng không giới hạn bởi động đất, sóng thần, thiên tai, bão, lũ các thảm họa tự nhiên tương tự, bạo loạn, chiến tranh, sự phá huỷ, dịch bệnh, các tác động tiêu cực từ thông tin truyền thông, mạng xã hội, những biến động về tình hình kinh doanh, thị trường của Bên A, sự biến động của thị trường kinh tế, tài chính của Việt Nam và thế giới, thay đổi pháp luật hoặc ngăn cấm từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
2. Khi gặp Trường hợp Bất Khả Kháng, Bên trực tiếp bị ảnh hưởng bởi Bất Khả Kháng phải thông báo ngay lập tức cho Bên kia bằng văn bản không chậm hơn 03 (ba) ngày kể từ ngày gặp Bất Khả Kháng và có điều kiện thông báo; hoặc trong trường hợp có thể tiên liệu khả năng có thể xảy ra Bất Khả Kháng, phải thông báo cho Bên kia biết trước ít nhất 10 (mười) ngày trước thời điểm có khả năng xảy ra Bất Khả Kháng; đồng thời phải nêu rõ tình trạng và biện pháp khắc phục hậu quả. Trường hợp dẫn đến hậu quả do Bất Khả Kháng các bên chấp nhận cùng nhau chịu rủi ro xảy ra.
3. Các bên xem xét tiếp tục thực hiện Hợp đồng khi sự kiện hoặc hậu quả của sự kiện Bất Khả Kháng chấm dứt và không ảnh hưởng đến việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng. Trường hợp xảy ra tranh chấp, các bên đồng ý giải quyết theo quy định tại Điều 14 của Hợp đồng này.

**ĐIỀU 7. RÚT VỐN ĐẦU TƯ TRƯỚC THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG**

1. Trường hợp bên B không góp Vốn Đầu Tư được đúng theo thoả thuận, không đảm bảo tiến độ góp vốn hoặc Bên B có “**Yêu Cầu Rút Vốn***”* đến Bên A yêu cầu hoàn trả toàn bộ hoặc một phần Vốn Đầu Tư trước thời hạn nêu trên các bên sẽ thoả thuận thực hiện theo các phương án sau:
2. Số cổ phần Bên B được nhận sẽ được tính đúng đến thời điểm dừng góp Vốn Đầu Tư và Bên B chỉ nhận được các quyền lợi tương đương theo số tiền bên B đã góp.
3. Bên A cam kết sẽ mua lại số cổ phần theo thỏa thuận tại thời điểm bên B dừng góp Vốn Đầu Tư, mức giá bên A đồng ý mua lại tối đa bằng với giá bên B đã thanh toán.
4. Yêu cầu rút vốn trước hạn phải được thể hiện bằng văn bản và gửi trực tiếp hoặc thông qua chuyển phát nhanh có bảo đảm của bưu điện. Trong vòng 90 *(chín mươi*) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Yêu cầu rút vốn trước hạn hợp lệ, Bên A sẽ giải quyết Yêu Cầu Rút Vốn Trước Hạn và thông báo đồng ý Yêu Cầu Rút Vốn Trước Hạn bằng văn bản cho Bên B (*“***Thông Báo Đồng Ý**”).
5. Trường hợp Bên Đầu Tư đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn được hiểu là Bên B từ bỏ mọi quyền lợi của mình tại Bên A.
6. Sau khi kết thúc Hợp đồng, nếu Bên B muốn tiếp tục Góp Vốn Đầu Tư sẽ ký kết hợp đồng mới và hưởng các quyền lợi theo nội dung hợp đồng mới mà không liên quan gì đến quyền lợi của hợp đồng cũ.

**ĐIỀU 8. CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG**

1. Trong thời hạn Hợp đồng, Bên B chỉ được quyền chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho một bên thứ ba khác là chủ thể có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật (“**Bên Thứ Ba**”). Việc chuyển nhượng này chỉ có hiệu lực khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: (i) phải được lập thành văn bản; và (ii) được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, (iii) Bên Thứ Ba phải chấp thuận và có trách nhiệm thực hiện các cam kết ban đầu giữa Bên A và Bên B (“**Hợp Đồng Chuyển Nhượng**”);
2. Trước thời điểm Bên B và Bên Thứ Ba dự kiến ký kết Hợp đồng chuyển nhượng 15 ngày làm việc, Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên A về việc chuyển nhượng và cung cấp bản dự thảo của Hợp đồng Chuyển nhượng để Bên A rà soát, kiểm tra, xác nhận và phê duyệt. Hợp đồng Chuyển nhượng chỉ được ký kết sau khi bản dự thảo được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A. Sau khi Bên B và Bên Thứ Ba ký kết Hợp đồng Chuyển nhượng, Bên B hoặc Bên Thứ Ba có trách nhiệm cung cấp 01 (một) bản gốc Hợp đồng Chuyển nhượng cùng các phụ lục, giấy tờ, tài liệu liên quan đến Hợp đồng Chuyển nhượng cho Bên A;
3. Bên B phải trả cho Bên A một khoản tiền bằng 10% giá trị Vốn Đầu Tư (“**Chi Phí Chuyển Đổi**”) ngay khi Hợp đồng Chuyển nhượng được ký kết và được Bên A đồng ý, phê duyệt, đồng thời Bên A nhận được bản gốc cùng các tài liệu được quy định tại Điều 8.2 của Hợp đồng này. Sau khi Bên A nhận được Chi Phí Chuyển Đổi, mọi quyền và nghĩa vụ của Bên B đối với Bên A theo Hợp đồng này được chuyển nhượng cho Bên Thứ Ba.
4. Bên B và/hoặc Bên Thứ Ba chịu trách nhiệm với: (i) mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp đồng Chuyển Nhượng; (ii) tất cả các khoản thuế, phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với Chi Phí Chuyển Đổi và việc chuyển nhượng Hợp đồng; và (iii) bồi thường thiệt hại do việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng Chuyển Nhượng gây ra thiệt hại cho Bên A (nếu có). Bên B và Bên Thứ Ba tự thỏa thuận về vấn đề này.

**ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A**

1. Bên A có quyền điều hành, quản lý, quyết định các công việc kinh doanh và sử dụng Vốn Đầu Tư theo quyền quyết định riêng rẽ của bên A theo đúng Mục Đích Hợp Tác của Hợp đồng này trong Thời Hạn Hợp Đồng.
2. Trong phạm vi hợp tác, bên A chịu trách nhiệm cải tiến phương thức kinh doanh, tìm kiếm đối tác, nguồn hàng, và các công việc khác để đầu tư, kinh doanh hiệu quả.
3. Bên A có quyền được nhận đầy đủ Chi Phí Chuyển Đổi, Chi Phí Rút Vốn (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này.
4. Bên A có quyền quyết định hình thức thanh toán lợi nhuận và phương thức, hình thức, loại tài sản hoàn lại giá trị Vốn Đầu Tư, giá trị còn lại của Vốn Đầu Tư cho bên B.
5. Quyết định về việc thanh toán các khoản lợi nhuận và hoàn trả Vốn Đầu Tư theo đúng các quy định của Hợp đồng.
6. Có trách nhiệm khấu trừ, kê khai và nộp thay bên B các khoản thuế mà bên B có liên quan từ hoạt động hợp tác kinh doanh, bao gồm thuế thu nhập cá nhân, các khoản thuế, phí khác (nếu có).
7. Trong trường hợp hoạt động đầu tư kinh doanh gặp ảnh hưởng bất lợi do biến động thị trường bất động sản, thị trường tài chính, hay do ảnh hưởng của việc nâng cấp phần mềm quản lý, do sự kiện bất khả kháng. Bên A có quyền điều chỉnh thời điểm thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Bên A theo Hợp đồng này nhưng không quá ba lần trên một năm trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng và mỗi lần tối đa là 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc, trừ trường hợp có thoả thuận khác và Bên A sẽ nỗ lực tối đa trong khả năng theo tình huống tương ứng tại thời điểm đó hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại cho Bên B.
8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo sự thỏa thuận của hai bên và theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện hợp đồng Hợp tác kinh doanh.

**ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

1. Thực hiện việc chuyển Vốn Đầu Tư, chuyển giao tài sản, quyền quản lý, quyền điều hành Vốn Đầu Tư theo đúng hạn và đầy đủ theo đúng nội dung cam kết của Hợp đồng.
2. Được nhận Lợi Nhuận và khoản hoàn trả Vốn Đầu Tư theo đúng cam kết của Hợp đồng.
3. Thực hiện các quyền Rút Vốn Đầu Tư trước thời hạn, chuyển nhượng Hợp Đồng theo đúng quy định tại Hợp đồng này.
4. Cung cấp đầy đủ, chính xác cho bên A các thông tin, tài liệu để ký kết Hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin, tài liệu này.
5. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn gốc Vốn Đầu Tư, cam kết Vốn Đầu Tư không thuộc sở hữu, không bị chi phối hay không là đối tượng của bất kỳ biện pháp bảo đảm bởi hay có tranh chấp với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác. Bên B chịu trách nhiệm giải quyết mọi tranh chấp liên quan đến Vốn Đầu Tư giữa bên B và bên thứ ba khác, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến quyền lợi, uy tín và danh tiếng của bên A; Đồng thời có trách nhiệm thanh toán đầy đủ chi phí chuyển đổi, chi phí rút vốn trước hạn và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho bên A theo Hợp đồng này.
6. Chia sẻ khó khăn với bên A trong các trường hợp bất khả kháng, xảy ra biến động tiêu cực từ thị trường dẫn đến thiệt hại hoặc dẫn đến chậm thanh toán các khoản lợi nhuận và hoàn trả Vốn Đầu Tư với tinh thần sẵn sàng và tự nguyện.
7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo sự thỏa thuận của hai bên và theo quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện việc hợp tác kinh doanh.

**ĐIỀU 11. BẢO MẬT THÔNG TIN**

1. Bằng hợp đồng này, hai bên cam kết và đảm bảo rằng các thông tin của hai bên là thông tin thỏa thuận tại Hợp đồng này là “Thông Tin Mật”, sẽ không được tiết lộ, sao chép, công bố hoặc phát tán một phần hoặc toàn bộ Thông Tin Mật cho bất kỳ bên thứ ba nào, trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Trong trường hợp một trong hai bên phải tiết lộ Thông Tin Mật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phải thông báo kịp thời thông tin đó bằng văn bản cho bên còn lại trước khi tiết lộ thông tin.

**ĐIỀU 12. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

1. Việc hợp tác chấm dứt trong trường hợp sau đây:
2. Hết Thời Hạn Hợp Đồng mà không gia hạn hợp đồng (hoặc bao gồm cả thời gian gia hạn, điều chỉnh nếu có);
3. Chấm dứt theo thỏa thuận của các bên bằng văn bản hoặc trong trường hợp Rút Vốn Đầu Tư Trước Thời Hạn và Chuyển nhượng Hợp đồng theo thoả thuận tại Điều 6 và Điều 7;
4. Theo yêu cầu hoặc nhằm tuân thủ bất kỳ phán quyết, quyết định, chỉ thị, lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bất kỳ văn bản, quy định pháp luật nào được áp dụng và giá trị thi hành đối với một bên hoặc các bên;
5. Có sự thay đổi chính sách của Nhà nước, sự thay đổi của pháp luật ảnh hưởng đến các điều khoản cơ bản của Hợp đồng;
6. Bên kia bị rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán; nộp hồ sơ xin giải thể; nộp đơn hoặc bị tuyên bố phá sản theo luật phá sản;
7. Bên kia bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định ngừng hoạt động kinh doanh hoặc bị thu hồi giấy phép kinh doanh và quyết định đó không được thu hồi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ban hành;
8. Khi chấm dứt hợp đồng, các ràng buộc phát sinh từ hợp đồng này phải được các bên thống nhất chấm dứt hoàn toàn dựa trên sự có lợi của các bên; Trường hợp phát sinh các khoản nợ với bên thứ ba từ hoạt động hợp tác theo nguyên tắc của Hợp đồng này, các bên phải đảm bảo thanh toán các khoản nợ theo tỷ lệ tương ứng với trách nhiệm của mỗi bên.
9. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và không hoàn trả lại số Vốn Đầu Tư và các khoản lợi nhuận trong các trường hợp: (a) Bên B có hành vi để lộ Thông Tin Mật theo quy định tại Điều 11; (b) sử dụng báo chí, các nền tảng mạng xã hội để đăng nội dung tiêu cực, gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ làm ảnh hưởng tới uy tín của bên A; (c) có hành vi chống đối như tự mình thuê mướn, tụ tập đông người gây rối trật tự, có hành vi đe dọa tinh thần của bên A, nhân viên và các đối tác, khách hàng của bên A, (d) yêu cầu thay đổi thời gian, thời hạn thanh toán các khoản lợi nhuận và hoàn trả Vốn Đầu Tư, Thời Hạn Hợp Đồng trái với quy định tại Hợp đồng này.
10. Nghĩa vụ bảo mật thông tin Hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại vẫn có hiệu lực sau khi chấm dứt Hợp đồng.
11. Sau khi chấm dứt Hợp đồng, nếu bên B có nhu cầu hợp tác lại, các bên sẽ thương lượng ký kết hợp đồng hợp tác với các điều khoản và điều kiện tương tự Hợp đồng này, tuỳ thuộc vào thoả thuận của Các bên tại thời điểm đó.
12. Các trường hợp dừng hoạt động hợp tác do doanh nghiệp giải thể, phá sản sẽ thực hiện theo Luật giải thể, luật phá sản tại thời điểm chấm dứt hoạt động.

**ĐIỀU 13. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

1. Những thông tin đã ghi trong Hợp đồng này là hoàn toàn đúng sự thật.
2. Các bên có đủ năng lực tài chính, kinh nghiệm, năng lực pháp lý và đảm bảo các nguồn lực cần thiết để thực hiện Hợp đồng này.
3. Có được tất cả các chấp thuận và hoàn tất các thủ tục nội bộ cần thiết để ký kết Hợp đồng này và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp đồng này.
4. Việc ký kết Hợp đồng này và việc tuân thủ các điều khoản được quy định trong Hợp đồng này không mâu thuẫn hoặc không dẫn đến sự vi phạm đối với bất kỳ điều khoản, điều kiện hoặc quy định nào của bất kỳ thỏa thuận, hợp đồng hoặc giao dịch khác mà mình giao kết, thực hiện hoặc bị ràng buộc.
5. Cam kết thực hiện bất kỳ hoặc tất cả các thủ tục và đáp ứng mọi điều kiện cần thiết theo quy định của pháp luật để đảm bảo rằng mọi cam kết của mình trong Hợp đồng này đều được hoặc sẽ được thực hiện đúng và đầy đủ.
6. Tham gia vào hợp đồng này không với tư cách là đại diện cho bất kỳ bên thứ ba nào.
7. Không thay mặt bên kia thực hiện bất kỳ giao dịch, thỏa thuận hoặc công việc nào khác không được quy định tại Hợp đồng này.Các bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng. Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho các bên còn lại (trừ trong trường hợp bất khả kháng) thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của Pháp luật.
8. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu bên nào có khó khăn trở ngại thì phải báo cho bên kia trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày có khó khăn trở ngại để các bên cùng tìm biện pháp giải quyết sao cho đảm bảo tối đa quyền, lợi ích hợp pháp của các bên.

**ĐIỀU 14. PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

1. Hợp đồng này được hiểu và được điều chỉnh bởi Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp phát sinh thì các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và cùng thỏa thuận, thương lượng giải quyết trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi. Các bên cam kết không hình sự hoá tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này. Trường hợp không đạt được thỏa thuận, việc giải quyết tranh chấp có thể ưu tiên giải quyết thông qua hòa giải, Trọng tài hoặc Toà án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**ĐIỀU 15. HIỆU LỰC, SỬA ĐỔI VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm ký Hợp đồng này.
2. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng này đều phải được làm bằng văn bản và có chữ ký của các bên. Các phụ lục đính kèm của hợp đồng (nếu có) là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng và có hiệu lực, giá trị thực hiện như đối với hợp đồng chính;
3. Các bên cam kết thực hiện theo các điều kiện và điều khoản trên và nhất trí tự nguyện ký kết thoả thuận hợp tác này.
4. Hợp đồng này gồm 10 (mười) trang, được lập thành 02 (hai) bản bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN …………**  **BÊN A** | **NHÀ ĐẦU TƯ**  **BÊN B** |

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

**(Đính kèm Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số …………………../HĐHTKD-………. ngày …../…./……….)**

**Tiến độ góp vốn**

1. Tháng ……/2024: ………………………… VNĐ.
2. Tháng ……/20.….: ………………………… VNĐ.
3. Tháng ……/20….: ………………………… VNĐ.
4. Tháng ……/20….: ………………………… VNĐ.
5. Tháng ……/20….: ………………………… VNĐ.

Bên B có thể góp vốn vào thời điểm bất kỳ của tháng. Trường hợp không góp vốn theo đúng tiến độ hàng tháng sẽ dẫn đến không nhận được cổ phần ưu đãi trong phần 5.5 của năm tài chính.